

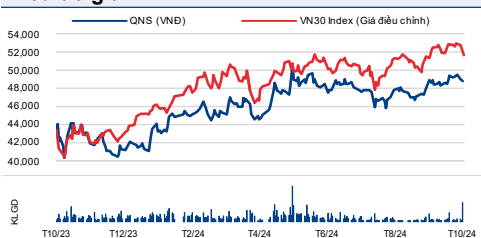
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ57,300
Tiềm năng tăng/giảm: 17.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (24/10/2024)	48,700
Mã Bloomberg	QNS VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	40,368-50,542
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	48,825
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	14,678
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	578
Sig CP lưu hành (tr.đv)	301
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	148
Sig CP NN được mua (tr.đv)	110
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	12.6%
Tỷ lệ freefloat	60.3%
Cổ đông lớn	ương mại Thành Phát (15.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	10,021	10,403	11,176
EBITDA đc (tỷ đồng)	2,599	3,012	3,237
LN TT (tỷ đồng)	2,447	2,756	2,994
LNT ĐC (tỷ đồng)	2,183	2,474	2,688
FCF (tỷ đồng)	2,189	2,134	2,473
EPS ĐC (đồng)	7,172	7,983	8,525
DPS (đồng)	3,500	4,000	4,000
BVPS (đồng)	28,469	32,548	37,167
T.trưởng EBITDA (%)	40.7	15.9	7.46
T.trưởng EPS ĐC (%)	69.7	11.3	6.79
Tăng trưởng DPS (%)	16.7	14.3	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	25.9	29.0	29.0
Tỷ suất LN TT (%)	24.4	26.5	26.8
Tỷ suất LNT ĐC (%)	21.8	23.8	24.0
Tỷ lệ LN trả CT (%)	48.8	50.1	46.9
Nợ thuần/VCSH (%)	25.1	18.1	9.74
ROAE (%)	27.2	26.6	24.9
ROACE (%)	26.4	26.4	24.6
EV/doanh thu (lần)	1.68	1.63	1.46
EV/EBITDA ĐC (lần)	6.46	5.63	5.03
P/E ĐC (lần)	6.79	6.10	5.71
P/B (lần)	1.71	1.50	1.31
Lợi suất cổ tức (%)	7.19	8.21	8.21

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hoạt động kinh doanh chính của QNS bao gồm sữa đậu nành và đường. Công ty là doanh nghiệp hàng đầu trong ngành sữa đậu nành, chiếm 85% thị phần với nhãn hiệu "Fami", "Vinasoy"

Chuyên viên phân tích

Bùi Nguyên Cẩm Giang, CFA

Trưởng phòng
giang.bnc@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q3/2024: Lợi nhuận thuần tăng 5% so với cùng kỳ, bị kìm hãm bởi tỷ suất lợi nhuận gộp

- Doanh thu thuần Q3/2024 tăng 11% so với cùng kỳ đạt 2.727 tỷ đồng nhờ mảng đường và mảng sữa đậu nành, trong khi lợi nhuận thuần đạt 532 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ và sát với dự báo của HSC.
- Tỷ suất lợi nhuận gộp đã giảm 150 điểm cơ bản so với cùng kỳ xuống mức 33,4% so với mức 34,9% trong Q3/2023 (và 34,9% trong Q2/2024), do tỷ suất lợi nhuận gộp giảm xuống ở cả mảng đường (do giá bán bình quân giảm xuống) và mảng sữa đậu nành (do đồng USD tăng giá làm tăng chi phí đầu vào).
- Sau khi giá cổ phiếu đi ngang trong 1 tháng qua, QNS đang giao dịch ở mức giá rẻ với P/E trượt dạt phóng 1 năm là 5,8 lần, thấp hơn 0,3 độ lệch chuẩn (tương đương 8%) so với bình quân quá khứ ở mức 6,4 lần, và lợi suất cổ tức tiềm năng là 8,2%. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2024

QNS đã công bố KQKD Q3/2024 sát với dự báo của HSC. Doanh thu thuần tăng 11% so với cùng kỳ đạt 2.727 tỷ đồng, nhờ tăng trưởng ở cả mảng đường và mảng sữa đậu nành. Lợi nhuận thuần tăng chậm hơn ở mức 5% so với cùng kỳ, đạt 532 tỷ đồng, do tỷ suất lợi nhuận gộp bị thu hẹp khi giá đường giảm xuống, chi phí đậu nành tăng lên và lợi nhuận HĐ tài chính giảm.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần tăng 4% so với cùng kỳ đạt 8.069 tỷ đồng trong khi lợi nhuận thuần tăng 14% so với cùng kỳ đạt 1.755 tỷ đồng; bằng lần lượt 77% và 71% dự báo cho cả năm 2024 của HSC.

Tỷ suất lợi nhuận giảm kìm hãm tốc độ tăng trưởng

Doanh thu mảng đường tăng 15% so với cùng kỳ đạt 1.041 tỷ đồng nhờ sản lượng tiêu thụ mảng này tăng 18% đạt 60.000 tấn (bao gồm cả tiêu dùng nội bộ và bán ra ngoài). Doanh thu mảng sữa đậu nành tăng 8% so với cùng kỳ đạt 1.213 tỷ đồng nhờ sản lượng tiêu thụ tăng 7% đạt 73 triệu lít.

Lợi nhuận gộp đạt 912 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ – thấp hơn mức tăng 11% của tổng doanh thu do tỷ suất lợi nhuận gộp giảm 150 điểm cơ bản so với cùng kỳ xuống mức 33,4% so với 34,9% trong Q3/2023 (và 34,9% trong Q2/2024) do tỷ suất lợi nhuận gộp của tất cả các mảng sản phẩm đều bị thu hẹp. Chi tiết như sau:

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 25/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2024 & 9 tháng đầu năm 2024, QNS

Lợi nhuận thuần tăng 5% so với cùng kỳ trong Q3/2024 & tăng 14% so với cùng kỳ trong 9 tháng đầu năm 2024

Tỷ đồng	Q3/23	Q3/24	% sv cùng kỳ	9T2023	9T2024	% sv cùng kỳ
Doanh thu thuần	2,467	2,727	10.5%	7,749	8,069	4.1%
Lợi nhuận gộp	860	912	6.0%	2,453	2,704	10.2%
Chi phí BH&QL	373	383	2.5%	897	912	1.7%
Lợi nhuận thuần	506	532	5.1%	1,535	1,755	14.3%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	34.9%	33.4%		31.7%	33.5%	
Chi phí BH&QL / Doanh thu	15.1%	14.0%		11.6%	11.3%	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	20.5%	19.5%		19.8%	21.7%	

Nguồn: QNS

- Tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng đường giảm 77 điểm cơ bản so với cùng kỳ (và giảm 107 điểm cơ bản so với quý trước) xuống mức 33,6% do giá bán đường bình quân giảm khoảng 4% so với cùng kỳ.
- Đồng thời, tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng sữa đậu nành cũng giảm 122 điểm cơ bản so với cùng kỳ (nhưng tăng 160 điểm cơ bản so với quý trước) xuống mức 39,6%, có thể do đồng USD tăng giá khiến chi phí nhập khẩu đậu nành và chi phí bao bì giấy mua từ Tetra Pak tăng lên.
- Tỷ suất lợi nhuận gộp của các sản phẩm khác (bì & nước giải khát, bánh kẹo và điện sinh khối) cũng giảm 101 điểm cơ bản so với cùng kỳ, tuy nhiên chúng tôi không có thông tin chi tiết về các sản phẩm này.

Lợi nhuận HĐ tài chính giảm 32% so với cùng kỳ xuống 44 tỷ đồng do thu nhập từ lãi ngân hàng giảm mạnh 40% so với cùng kỳ xuống 86 tỷ đồng trong bối cảnh mặt bằng lãi suất giảm.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu đi ngang trong 1 tháng qua, QNS đang giao dịch ở mức giá rẻ với P/E trượt dự phóng 1 năm là 5,8 lần, thấp hơn 0,3 độ lệch chuẩn (tương đương 8%) so với bình quân quá khứ ở mức 6,4 lần, và lợi suất cổ tức tiềm năng là 8,2%. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Trong khi đó, chúng tôi giữ nguyên dự báo lợi nhuận hiện tại của mình. Cho năm 2024, HSC dự báo doanh thu thuần đạt 10.403 tỷ đồng (tăng trưởng 4%) và lợi nhuận thuần đạt 2.474 tỷ đồng (tăng trưởng 13%). Theo dự báo này và KQKD thực hiện của QNS trong 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần Q4/2024 của QNS dự báo đạt 2.334 tỷ đồng (tăng 2% so với cùng kỳ và giảm 14% so với quý trước) và lợi nhuận thuần dự báo đạt 719 tỷ đồng (tăng 10% so với cùng kỳ và tăng 35% so với quý trước). Ngoài ra, lợi nhuận thuần dự báo tăng trưởng 9% trong năm 2025 và 9% trong năm 2026, được hỗ trợ bởi việc mở rộng diện tích trồng mía.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu thuần, QNS

Doanh thu mảng đường & sữa đậu nành tăng trưởng tích cực trong Q3/2024

Tỷ đồng	Q3/23	Q3/24	% sv cùng kỳ	9T2023	9T2024	% sv cùng kỳ
Đường	908	1,041	14.7%	3,127	3,225	3.1%
Sữa đậu nành	1,128	1,213	7.5%	3,106	3,187	2.6%
Khác	481	472	-1.8%	1,515	1,657	9.3%
Doanh thu thuần	2,467	2,727	10.5%	7,749	8,069	4.1%

Nguồn: QNS

Bảng 3: Tỷ suất lợi nhuận gộp theo mảng sản phẩm, QNS

Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm trong Q3/2024

	Q3/23	Q3/24	Chênh lệch (điểm cơ bản)	9T2023	9T2024	Chênh lệch (điểm cơ bản)
Đường	34.3%	33.6%	(77)	27.6%	32.3%	473
Sữa đậu nành	40.8%	39.6%	(122)	40.6%	38.6%	-203
Khác	18.4%	17.3%	(101)	21.8%	26.1%	435
Tổng tỷ suất lợi nhuận gộp	34.9%	33.4%	(143)	31.7%	33.5%	185

Nguồn: QNS

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	8,255	10,021	10,403	11,176	11,764
Lợi nhuận gộp	2,459	3,351	3,599	3,866	4,114
Chi phí BH&QL	(1,100)	(1,197)	(1,101)	(1,166)	(1,217)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	1,359	2,154	2,498	2,699	2,898
Lãi vay thuần	76.0	174	142	179	240
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	70.7	118	115	115	115
LN TT	1,505	2,447	2,756	2,994	3,253
Chi phí thuế TNDN	(219)	(263)	(282)	(306)	(325)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	1,287	2,183	2,474	2,688	2,928
Lợi nhuận thuần ĐC	1,287	2,183	2,474	2,688	2,928
EBITDA ĐC	1,848	2,599	3,012	3,237	3,411
EPS (đồng)	4,226	7,172	7,983	8,525	9,382
EPS ĐC (đồng)	4,226	7,172	7,983	8,525	9,382
DPS (đồng)	3,000	3,500	4,000	4,000	4,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	301	301	307	312	312
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	301	301	312	312	312
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	301	301	312	312	312

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	203	289	668	1,322	1,398
Đầu tư ngắn hạn	4,296	6,165	7,000	8,000	10,000
Phải thu khách hàng	587	661	702	756	793
Hàng tồn kho	947	958	1,195	1,284	1,351
Các tài sản ngắn hạn khác	57.2	19.1	72.1	77.5	81.6
Tổng tài sản ngắn hạn	6,090	8,093	9,637	11,439	13,625
TSCĐ hữu hình	3,906	3,650	3,566	3,521	3,218
TSCĐ vô hình	7.87	16.1	9.94	3.71	(2.64)
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	263	293	389	311	327
Tổng tài sản dài hạn	4,176	3,959	3,965	3,836	3,543
Tổng cộng tài sản	10,266	12,053	13,602	15,275	17,167
Nợ ngắn hạn	1,896	2,411	2,435	2,411	2,387
Phải trả người bán	479	456	562	604	632
Nợ ngắn hạn khác	223	233	259	285	310
Tổng nợ ngắn hạn	2,750	3,281	3,435	3,492	3,531
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	51.5	191	182	182	182
Tổng nợ dài hạn	51.5	191	182	182	182
Tổng nợ phải trả	2,802	3,472	3,617	3,675	3,713
Vốn chủ sở hữu	7,465	8,581	9,984	11,600	13,454
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	7,465	8,581	9,984	11,600	13,454
Tổng nợ phải trả và VCSH	10,266	12,053	13,602	15,275	17,167
BVPS (đ)	24,767	28,469	32,548	37,167	43,107
Nợ thuần/(tiền mặt)	1,693	2,122	1,768	1,089	989

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	1,359	2,154	2,498	2,699	2,898
Khấu hao	(490)	(445)	(514)	(537)	(513)
Lãi vay thuần	76.0	174	142	179	240
Thuế TNDN đã nộp	(154)	(246)	(282)	(306)	(325)
Thay đổi vốn lưu động	(224)	(83.5)	(145)	(61.1)	(42.6)
Khác	(161)	(36.6)	(173)	(210)	(270)
LCT thuần từ HĐKD	1,385	2,408	2,554	2,838	3,014
Đầu tư TS dài hạn	(102)	(219)	(420)	(365)	(187)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	0.07	0.45	0	0	0
Khác	(220)	(1,563)	(547)	(676)	(1,616)
LCT thuần từ HĐĐT	(322)	(1,782)	(967)	(1,041)	(1,803)
Cổ tức trả cho CSH	904	1,055	1,055	1,055	1,055
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(136)	515	15.9	(24.4)	(24.1)
Khác	(1,808)	(2,110)	(2,279)	(2,174)	(2,165)
LCT thuần từ HĐTC	(1,041)	(539)	(1,208)	(1,143)	(1,134)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	179	203	289	668	1,322
LCT thuần trong kỳ	22.9	87.0	378	654	76.5
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.83	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	203	290	668	1,322	1,398
Dòng tiền tự do	1,283	2,189	2,134	2,473	2,826

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	29.8	33.4	34.6	34.6	35.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	22.4	25.9	29.0	29.0	29.0
Tỷ suất LNT (%)	15.6	21.8	23.8	24.0	24.9
Thuế TNDN hiện hành (%)	14.5	10.8	10.2	10.2	9.99
Tăng trưởng doanh thu (%)	12.5	21.4	3.81	7.43	5.26
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	3.28	40.7	15.9	7.46	5.39
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	2.65	69.7	13.3	8.65	8.95
Tăng trưởng EPS (%)	2.65	69.7	11.3	6.79	10.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	2.65	69.7	11.3	6.79	10.0
Tăng trưởng DPS (%)	20.0	16.7	14.3	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	71.0	48.8	50.1	46.9	42.6
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	17.7	27.2	26.6	24.9	23.4
ROACE (%)	18.5	26.4	26.4	24.6	22.8
Vòng quay tài sản (lần)	0.82	0.90	0.81	0.77	0.73
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.02	1.12	1.02	1.05	1.04
Số ngày tồn kho	59.7	52.4	64.1	64.1	64.5
Số ngày phải thu	37.0	36.2	37.7	37.7	37.9
Số ngày phải trả	30.2	25.0	30.2	30.2	30.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	23.1	25.1	18.1	9.74	7.66
Nợ/tài sản (%)	18.8	20.3	18.2	16.0	14.2
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.04	0.94	0.82	0.76	0.71
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.21	2.47	2.81	3.28	3.86
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.98	1.68	1.63	1.46	1.38
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.86	6.46	5.63	5.03	4.75
P/E (lần)	11.5	6.79	6.10	5.71	5.19
P/E ĐC (lần)	11.5	6.79	6.10	5.71	5.19
P/B (lần)	1.97	1.71	1.50	1.31	1.13
Lợi suất cổ tức (%)	6.16	7.19	8.21	8.21	8.21

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn